TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 56/2019/DS-ST
Ngày : 17- 10-2019
V/V "tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trương Thị Hải.

Ông Trần Quang Vinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Vũ- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 82/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về "tranh chấp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N. Địa chỉ: ấp 1, xã C, huyện T, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:*

Bà Võ Thị Kiều T Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện H, tỉnh Long An.
Ông Nguyễn Kim H. Địa chỉ: Ấp 1, xã C, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-5-2019 và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị N là nguyên đơn trình bày: Vào năm 2017 bà là hụi viên, tham gia chơi hụi do bà T là chủ các dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi 1: Ngày 25/02/2017 (AL) hụi một tháng khui một lần, hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 hụi viên, hụi hoa hồng là 500.000 đồng, bà tham gia một phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 25/02/2017, bà đã đóng được 18 kỳ

hụi sống là 12.330.000 đồng, bà T tuyên bố vỡ hụi vào tháng 8 năm 2018 AL và không giao hụi lại cho bà là 12.330.000 đồng.

Dây hụi 2: Ngày 08/7/2017 (AL) hụi một tháng khui một lần, hụi 1.000.000 đồng, gồm có 24 hụi viên, hụi hoa hồng là 500.000 đồng, bà tham gia bốn phần nhưng bà kiện bà T một phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 08/7/2017, bà đóng được kỳ thứ 13, bà T tuyên bố vỡ hụi (tháng 8 năm 2018) và không giao hụi lại cho bà là 8.690.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi là: 21.020.000 đồng, con gái bà T có trả cho bà 4.000.000 đồng vào trong tháng 9 năm 2018, còn nợ lại 17.020.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà T và ông H liên đới trả cho bà là 17.020.000 đồng vốn hụi, trong thời gian một tháng kể từ ngày 17/10/2019.

Việc khui hụi, đóng hụi giữa bà và bà T thì thỉnh thoảng ông H có mặt ở nhà, có lúc con bà T khui hụi, việc đóng hụi thì bà T thu tiền hụi. Hai danh sách hụi do bà ký tên và nộp cho Tòa án. Việc chơi hụi và giao tiền hụi giữa hai bên không có sổ sách theo dõi.

Bà Võ Thị Kiều T là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà N thì bà N tham gia 9 dây hụi, còn hai dây hụi bà N vừa trình bày là đúng.

Dây hụi 1: Bà N chỉ đóng hụi sống cho bà được 17 kỳ, là 11.680.000 đồng.

Dây hụi 2: Bà N chỉ đóng hụi sống cho bà được 10 kỳ, là 7.740.000 đồng,

Tổng cộng hai dây hụi bà nợ N 19.420.000 đồng, bà đã trả cho bà N là 4.000.000 đồng, còn nợ bà N 15.420.000 đồng. Việc chơi hụi và giao tiền hụi giữa hai bên bà có sổ sách theo dõi, bà xin bà N đến tháng 3 năm 2020 bà trả cho bà N xong nợ.

Ông Nguyễn Kim H là bị đơn trình bày tại biên bản hòa giải ngày 12/7/2019: Khi bà T tham gia chơi hụi thì ông không biết, nên ông không đồng ý trả cho bà N và ông xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà N yêu cầu bà Võ Thị Kiều Tg và ông Nguyễn Kim H liên đới trả 17.020.000 đồng tiền vốn hụi. Bà T cho rằng chỉ nhận tiền đóng hụi từ bà N của hai dây hụi là 15.420.000 đồng. Qua lời trình bày của bà N và những người làm chứng thì không có cơ sở xác định bà N đóng tiền hụi cho bà T cụ thể là bao nhiêu tiền. Bà T chỉ đồng ý trả là 15.420.000 đồng, bà N không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà T nợ bà N là 17.020.000

đồng nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà N, chấp nhận lời trình bày của bà T.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị N khởi kiện bà Võ Thị Kiều T, ông Nguyễn Kim H về việc "tranh chấp hụi" được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông H có đơn xin vắng mặt, Tòa án căn cứ vào điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy bà N yêu cầu bà T và ông H phải liên đới trả vốn hụi của 2 dây hụi tổng cộng là 17.020.000 đồng, không tính lãi, bà T thừa nhận bà N đóng hụi sống của hai dây hụi cho bà là 15.420.000 đồng. Theo các giấy hụi do bà N giao nộp cho Tòa án, việc ghi số tiền của từng kỳ đóng hụi là do bà N trực tiếp tự ghi, không phải do bà T ghi chép, không được bà T thừa nhận, những người làm chứng khai trình thể hiện hai dây hụi có diễn ra, có khui hụi nhưng không xác định được số tiền bà N đóng hụi cho bà T là bao nhiêu, từng kỳ ra sao, bà N không có tài liệu gì để chứng minh việc bà T, ông H có nợ bà N 17.020.000 đồng.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà N nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N buộc bà T, ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nhạn số tiền vốn hụi là 15.420.000 đồng, theo quy định tại các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, khi án có hiệu lực pháp luật và các điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường. Bà T xin trả dần, bà N không đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

Bà T và ông H là vợ chồng, việc các bên phát sinh tham gia chơi hụi trong thời kỳ hôn nhân, diễn ra tại nhà ông H và bà T trong thời gian dài, bà T tổ chức việc chơi hụi ông H cho rằng không biết, là không có cơ sở. Ngoài ra, bà T tổ chức chơi hụi là phục vụ cho cuộc sống gia đình. Nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N buộc ông H, bà T liên đới trả cho bà N là 15.420.000 đồng.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Bà N phải chịu án phí phần không chấp nhận là 1.600.000 đồng x 5%. Tuy nhiên, bà Nhạn có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi nên cần miễn án phí cho bà N.

Bà T, ông H phải liên đới chịu án phí của số tiền là 15.420.000 đồng x 5%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điều 288, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân gia gia đình;

- Áp dụng các điều 18, 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc "tranh chấp hụi" với bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H.

Buộc bà T, ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà N 15.420.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tiền vốn hụi.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc "tranh chấp hụi" với bà Võ Thị Kiều T và ông Nguyễn Kim H là 1.600.000 đồng vốn hụi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

3. Về án phí:

Miễn án phí cho bà N.

Bà T, ông H phải liên đới nộp 771.000 đồng (bảy trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
-Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí